

Thị trường quay đầu giảm mạnh khi thất bại tại kháng cự 980 điểm

Phiên giao dịch hôm nay diễn ra khá bình thường trong nửa thời gian giao dịch với biến động tăng giảm trong biên độ hẹp và vẫn diễn ra sự phân hóa tốt nhưng áp lực bán đã mạnh lên ở cuối phiên khiến các chỉ số và cổ phiếu giảm khá mạnh. Trong phiên giao dịch VNIndex đã có vài lần vượt qua vùng 980 điểm nhưng sau đó đều bị bán bật ngược trở lại và lực bán đã mạnh dần lên ở cuối phiên khi lo ngại về khả năng đảo chiều của xu hướng hồi phục hiện tại. Áp lực tiếp tục đến từ việc đồng USD vẫn tăng giá so với các đồng tiền chủ chốt khác với chỉ số USD Index tăng lên mức 96.8 và tỷ giá USD tự do tiếp tục tăng lên 23.550-23.580 VND. Ngoài ra, áp lực giảm điểm mạnh từ thị trường chứng khoán khu vực và động thái dừng mua ở một số cổ phiếu quen thuộc như VCB, SSI, BID cũng làm mất động lực tăng giá của các cổ phiếu đang có tính dẫn dắt này.

VNIndex đóng cửa giảm 16.9 điểm (-1.73%) và đây là phiên giảm mạnh nhất tính từ đáy đợt hồi phục này với thanh khoản toàn thị trường đạt gần 5.700 tỷ đồng trong đó có thỏa thuận chốt biên của MSN là 267 tỷ đồng. Mức giảm điểm khá mạnh của chỉ số và thanh khoản ở mức cao cho thấy dấu hiệu của khả năng đảo chiều xu hướng ngắn hạn hiện tại và lực cung bán quyết liệt bán ra ở cuối phiên do lo ngại điều này.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng đã có diễn biến tương đối tích cực trong phiên giao dịch hỗ trợ phần nào tâm lý cho thị trường như ACB, BID, CTG nhưng áp lực bán mạnh cuối phiên đã khiến nhóm này cũng quay đầu và đóng cửa trong sắc đỏ và đẩy các cổ phiếu ngân hàng khác như VCB, VPB, MBB, TCB ... giảm sâu hơn. Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán cũng giảm điểm và nhóm này thường biến động khá sát diễn biến của nhóm ngân hàng. Nhóm ngành dầu khí là nhóm giảm điểm mạnh nhất trong phiên hôm nay với GAS, PLX, BSR, PVB giảm mạnh và PVD, PVS, PVC giảm sàn. Phiên giao dịch hôm nay ghi nhận số lượng lớn cổ phiếu có mức giảm trên 3% và mức độ giảm trên diện rộng ở nhiều nhóm ngành.

Khối ngoại vẫn giao dịch kém sôi động trong phiên hôm nay và khối này bán ròng nhẹ hơn 50 tỷ trên sàn HOSE. Áp lực bán ròng tập trung vào VHM, VIC, GAS, NVL, VCB, PVD, LDG, HCM và vẫn mua ròng nhẹ ở các cổ phiếu như MSN, VJC, VND, PLX, PVT, DRC... Hoạt động giao dịch của khối ngoại trong các phiên gần đây diễn ra khá trầm lắng và theo quan sát thì các cổ phiếu được ưa chuộng như VCB, SSI, GAS, BID không còn được mua vào nữa khiến cho các cổ phiếu này mất đi một động lực quan trọng thúc đẩy việc tăng giá.

Phiên giao dịch hôm nay tạo ra nhiều lo ngại về việc đảo chiều xu hướng hồi phục ngắn hạn hiện tại bởi kết thúc với mức giảm điểm sâu khi đóng cửa, thanh khoản lớn và số lượng lớn cổ phiếu có mức giảm trên mức 3%. Đây cũng là phiên giảm điểm mạnh nhất tính từ đáy của đợt hồi phục và chỉ số cũng lần đầu nằm dưới PSAR (chỉ báo đảo chiều xu hướng Parabolic Stop and Return). Điều này sẽ được xác nhận nếu các chỉ số tiếp tục đóng cửa giảm điểm trong phiên ngày mai. Do đó, chúng tôi cho rằng các áp lực về tỷ giá, lãi suất đang dần phản ánh mức độ quan ngại lên thị trường và rủi ro rõ ràng đã tăng lên đáng kể. Với sự lệch pha của nhiều nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thì khả năng hồi phục có thể diễn ra trong phiên giao dịch ngày mai hơn nữa mức độ phân hóa vẫn sẽ được duy trì nhưng với quan điểm thận trọng ở giai đoạn hiện tại chúng tôi cho rằng chiến lược giảm bớt tỷ trọng cổ phiếu nên được ưu tiên.

Thông kê	HOSE	HNX
Đóng cửa	961.4	108.0
% Thay đổi	-1.73	-1.61
Khối lượng	188.7	63.9
Giá trị (tỷ đồng)	4,449.4	904.6
Số mã tăng	105	54
Số mã giảm	189	94
Không thay đổi	67	229

Hàng hóa & Tiền tệ	Giá đóng cửa	%chg
Gold(USD/Oz)	1,187	-0.50
WTI Oil (\$/B) 1Mth	66	-0.91
Brent Oil (\$/B) 1Mth	72	-0.80
USDVND	23,313	0.01
EURVND	26,393	0.71

VNINDEX



HNX-INDEX



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng Index (%)	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x
Tiêu dùng thiết yếu	2.96	-1.05%	19.51	4.44
Thực phẩm và đồ uống	18.37	-0.26%	24.75	7.16
Năng lượng	3.08	-4.08%	18.62	3.50
Tài chính	26.38	-2.41%	16.29	2.52
Y tế	1.06	-0.87%	20.39	3.41
Công nghiệp	7.95	-2.25%	16.74	3.99
Công nghệ thông tin	0.98	-1.10%	8.86	2.18
Vật liệu và hóa chất	4.55	-1.75%	9.94	1.77
Bất động sản	26.99	-0.74%	55.65	4.66
Dịch vụ tiện ích	7.27	-5.03%	15.63	3.84

Thị trường Khu vực	Giá đóng cửa	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x	Vốn hóa Tỷ US\$
China	3,292.0	-2.40%	12.52	1.61	3,839.5
India	11,435.1	0.70%	23.85	3.20	1,188.2
Indonesia	5,816.6	0.81%	19.59	2.23	447.8
Laos	873.4	0.19%	6.64	0.35	1.1
Malaysia	1,785.9	0.12%	18.51	1.89	270.7
Philippines	7,540.9	0.17%	19.42	2.08	175.1
Taiwan	10,716.8	-0.99%	13.93	1.69	1,045.9
Thailand	1,678.5	-1.00%	16.39	1.98	512.6
Vietnam	961.4	-1.73%	17.30	2.70	133.9

Nguồn: Bloomberg

HOSE					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
SAB	211,000	1,000	0.5	44,610	0.200
VNM	158,500	400	0.3	1.08MLN	0.181
SBT	17,000	500	3.0	5.08MLN	0.087
FRT	74,000	1,900	2.6	18,660	0.040
VHC	72,000	1,300	1.8	107,580	0.037

HNX					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
AAV	32,300	2,900	9.9	658,500	0.017
DNP	14,200	400	2.9	7,200	0.016
MSC	11,500	1,000	9.5	2,500	0.013
SJ1	19,300	1,400	7.8	300	0.011
DBC	24,200	200	0.8	14,000	0.011

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
GAS	95,000	-6,200	-6.1	660,200	-3.699
VCB	60,600	-2,200	-3.5	3.24MLN	-2.467
VIC	101,900	-1,400	-1.4	644,810	-1.393
PLX	62,800	-2,800	-4.3	733,050	-1.129
VJC	149,000	-5,400	-3.5	682,950	-0.912

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
ACB	37,000	-500	-1.3	6.46MLN	-0.547
PVS	18,900	-2,100	-10.0	17.47MLN	-0.480
SHB	8,400	-200	-2.3	7.69MLN	-0.209
VGC	17,100	-400	-2.3	1.30MLN	-0.083
SHS	14,500	-700	-4.6	1.68MLN	-0.064

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
FLC	6,110	20	0.3	11.31MLN	0.004
MBB	23,300	-550	-2.3	10.84MLN	-0.370
HAG	7,000	-290	-4.0	10.77MLN	-0.084
CTG	25,200	-100	-0.4	9.77MLN	-0.116
GTN	10,650	-800	-7.0	6.71MLN	-0.062

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
PVS	18,900	-2,100	-10.0	17.47MLN	0.000
SHB	8,400	-200	-2.3	7.69MLN	0.000
ACB	37,000	-500	-1.3	6.46MLN	0.000
KLF	2,300	0	0.0	3.79MLN	0.000
NVB	7,500	-100	-1.3	2.01MLN	0.000

Nguồn: Bloomberg

15/08/18

TIN VĨ MÔ

Bộ Tài chính đề xuất cắt hơn 51% điều kiện, tự doanh chứng khoán chỉ cần vốn 50 tỷ đồng - Bộ Tài chính vừa công bố phương án đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ. Trong đó, cơ quan này đề xuất cắt giảm 51,4% tổng số điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý. Đối với lĩnh vực chứng khoán, Bộ Tài chính đề xuất giảm điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu đối với nghiệp vụ tự doanh chứng khoán từ 100 tỷ đồng xuống còn 50 tỷ đồng.

Tỷ giá ngoại tệ ngày 15/8: USD cao nhất 13 tháng, chưa hề hạ nhiệt - Tỷ giá ngoại tệ ngày 15/8 diễn biến theo xu hướng đồng USD trên thị trường quốc tế đứng ở mức cao nhất 13 tháng và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Đồng tiền các nền kinh tế mới nổi tiếp tục chịu ảnh hưởng từ cú sốc đồng lira của Thổ Nhĩ Kỳ. Đầu giờ sáng 15/8, đa số ngân hàng thương mại giữ tỷ giá ngoại tệ đồng đô la Mỹ hôm nay không đổi so với cuối phiên liền trước, phổ biến ở mức 23.270 đồng (mua) và 23.350 đồng (bán). Trên thị trường thế giới, chỉ số US Dollar Index (DXY), đo lường biến động đồng bạc xanh với 6 đồng tiền chủ chốt (EUR, JPY, GBP, CAD, SEK, CHF) đứng ở mức 96,38 điểm.

TIN DOANH NGHIỆP

LPB - Điều chỉnh giảm các chỉ tiêu kinh doanh - Phần lớn các chỉ tiêu kinh doanh chính đã được Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LienVietPostBank) công bố điều chỉnh giảm so với kế hoạch đặt ra từ đầu năm 2018. Cụ thể, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2018 được ngân hàng điều chỉnh giảm từ 1.800 tỷ đồng xuống còn 1.200 tỷ đồng; Tổng tài sản từ 190.000 tỷ đồng xuống còn 180.000 tỷ đồng; Huy động vốn thị trường 1 từ 170.000 tỷ đồng xuống còn 160.000 tỷ đồng; Dư nợ thị trường 1 từ 123.500 tỷ đồng xuống 117.557 tỷ đồng; Tỷ lệ chi trả cổ tức tối thiểu từ 12% xuống còn 10%.

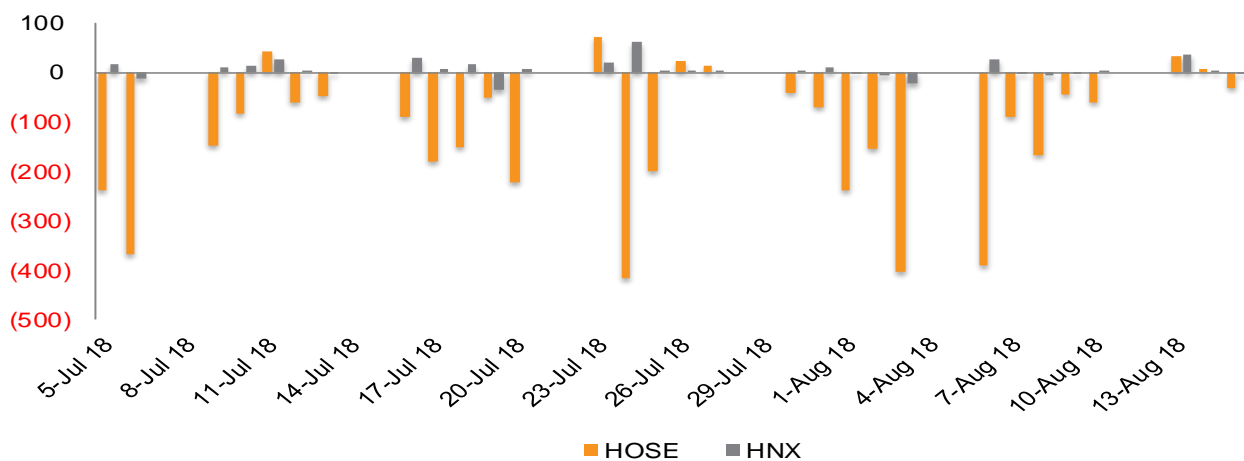
NCT - Chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức tỷ lệ 40% bằng tiền - CTCP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài (Noibai Cargo – NCT) vừa nhất trí thông qua tờ trình về việc chi tạm ứng cổ tức bằng tiền. Theo đó, ngày 31/8 tới đây Noibai Cargo sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện chi tạm ứng cổ tức đợt 1/2018 bằng tiền tỷ lệ 40%, tương ứng cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận về 4.000 đồng. Thời gian thanh toán 28/9/2018.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

KLGD (triệu CP)	so với phiên giao dịch trước		so với phiên giao dịch trước		GTGD (Tỷ đồng)	so với phiên giao dịch trước		so với phiên giao dịch trước	
	HOSE		HNX			HOSE		HNX	
MUA	5.2	-37.3%	1.0	181.2%	MUA	307.3	-30.7%	18.3	211.2%
% of market	2.7%	0-Jan	1.6%	0-Jan	% of market	6.9%	0-Jan	2.0%	0-Jan
BÁN	6.1	-33.1%	1.1	200.8%	BÁN	339.9	-22.2%	19.9	624.4%
% of market	3.2%	0-Jan	1.7%	0-Jan	% of market	7.7%	0-Jan	2.2%	0-Jan
MUA (BÁN) RÒNG	(0.95)		(0.1)		MUA (BÁN) RÒNG	(32.6)		(1.6)	

Nguồn: HSX, HNX

Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)



LŨY KẾ 2018

KLGD (triệu CP)	HOSE	% of 2017	HNX	% of 2017	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	% of 2017	HNX	% of 2017
MUA	3,170.0	89.4%	325.5	81.2%	MUA	184,757.8	109.3%	6,073.2	72.9%
% of market	10.0%	0-Jan	3.7%	0-Jan	% of market	19.9%	0-Jan	3.6%	0-Jan
BÁN	2,918.9	89.6%	348.5	85.6%	BÁN	154,843.5	107.1%	6,816.0	79.1%
% of market	9.2%	0-Jan	4.0%	0-Jan	% of market	16.7%	0-Jan	4.1%	0-Jan
MUA (BÁN) RÒNG	251.1		(23.1)		MUA (BÁN) RÒNG	29,914		(742.8)	

Nguồn: HSX, HNX

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

HOSE					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
VNM	18,900	400	0.25	130.0	0.181
MSN	37,800	-2,000	-2.14	35.2	-0.725
VJC	17,100	-5,400	-3.50	17.0	-0.912
VRE	8,400	-600	-1.49	15.4	-0.356
VHM	2,300	0	0.00	12.0	0.000

HNX					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
PVS	18,900	-2,100	-10.00	14.0	0.000
DGC	37,800	-400	-1.05	1.6	0.000
VGC	17,100	-400	-2.29	0.6	0.000
SHB	8,400	-200	-2.33	0.4	0.000
KLF	2,300	0	0.00	0.2	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
VNM	18,900	400	0.25	132.5	0.181	
VHM	10,200	0	0.00	36.7	0.000	
VIC	17,600	-1,400	-1.36	23.7	-1.393	
GAS	17,100	-6,200	-6.13	15.8	-3.697	
NVL	20,000	-200	-0.31	15.2	-0.057	

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
PVS	18,900	-2,100	-10.00	14.0	0.000	
HDA	10,200	0	0.00	2.0	0.000	
VCG	17,600	-600	-3.30	1.3	0.000	
VGC	17,100	-400	-2.29	1.2	0.000	
RCL	20,000	-500	-2.44	0.6	0.000	

Top mua rông						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua rông	Đóng góp Index	
MSN	37,800	-2,000	-2.14	28.8	-0.725	
VJC	8,400	-5,400	-3.50	13.8	-0.912	
VND	2,300	-950	-4.53	7.5	-0.065	
VRE	14,500	-600	-1.49	4.6	-0.356	
PLX	11,100	-2,800	-4.27	4.3	-1.129	

Top mua rông						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua rông	Đóng góp Index	
DGC	37,800	-400	-1.05	1.6	0.000	
SHB	8,400	-200	-2.33	0.4	0.000	
KLF	2,300	0	0.00	0.2	0.000	
SHS	14,500	-700	-4.61	0.2	0.000	
TNG	11,100	-100	-0.89	0.1	0.000	

Top bán rông						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán rông	Đóng góp Index	
VHM	10,200	0	0.00	-24.7	0.000	
VIC	17,600	-1,400	-1.36	-19.8	-1.393	
NVL	17,100	-200	-0.31	-14.9	-0.057	
GAS	20,000	-6,200	-6.13	-12.7	-3.697	
VCB	83,500	-2,200	-3.50	-8.7	-2.467	

Top bán rông						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán rông	Đóng góp Index	
HDA	10,200	0	0.00	-2.04	0.000	
VCG	17,600	-600	-3.30	-1.23	0.000	
VGC	17,100	-400	-2.29	-0.65	0.000	
RCL	20,000	-500	-2.44	-0.60	0.000	
VCS	83,500	-300	-0.36	-0.16	0.000	

15/08/2018

Nguồn Bloomberg, HOSE, HNX

TOP 60 Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên HOSE

CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá			Vốn hóa Tỷ đồng	SCP triệu CP	Freefloat %	% Room Khối ngoại	KLGDBQ 30 ngày	P/E x	P/B x	ROE %	ROA %
		1 tháng	3 tháng	6 tháng									
1 VIC	101,900	-1.1	-6.6	43.2	325,226	3,192	57.6	21.3	1,526,630	81.2	7.2	10.8	1.7
2 VHM	107,800	-1.4	N/A	N/A	288,862	2,680	100.0	33.2	318,132	45.9	3.1	N/A	N/A
3 VNM	158,500	-4.7	-9.9	-18.1	230,023	1,451	46.2	40.8	785,637	26.1	8.8	34.9	28.8
4 VCB	60,600	10.6	3.2	-5.3	218,025	3,598	22.9	9.2	2,189,221	19.3	3.7	20.5	1.2
5 GAS	95,000	16.1	-19.9	-12.0	181,825	1,914	4.2	45.5	555,765	16.4	4.2	27.5	17.8
6 SAB	211,000	-3.2	-15.6	-9.8	135,310	641	10.4	39.3	73,656	30.2	8.6	31.2	21.9
7 BID	29,300	24.7	-15.3	-17.2	100,168	3,419	4.4	27.5	3,606,567	12.5	2.0	16.8	0.7
8 MSN	91,500	22.2	-4.9	6.9	96,372	1,053	37.9	20.2	731,317	17.0	5.7	32.2	8.8
9 CTG	25,200	11.5	-15.6	-7.4	93,830	3,723	15.8	0.0	5,342,489	12.1	1.4	12.2	0.7
10 TCB	26,500	1.1	N/A	N/A	92,660	3,497	81.8	0.0	1,575,777	8.7	2.0	24.3	3.2
11 VJC	149,000	13.7	-9.2	-10.2	80,700	542	53.2	5.6	683,630	15.7	7.6	67.1	19.7
12 HPG	37,500	5.3	-5.2	-13.4	79,647	2,124	55.8	10.4	5,417,241	8.9	2.2	30.1	17.6
13 VRE	39,800	9.0	-16.9	-17.2	75,663	1,901	100.0	17.3	1,256,784	50.3	2.9	5.7	5.6
14 PLX	62,800	16.3	-11.0	-19.7	72,773	1,159	6.3	9.1	602,819	19.4	3.9	18.3	6.0
15 VPB	26,500	-3.3	-9.5	-19.6	64,211	2,423	75.8	0.0	4,584,941	10.0	2.3	26.9	2.5
16 NVL	65,200	26.8	21.9	6.8	59,166	907	31.1	40.1	798,726	25.7	4.2	18.7	4.7
17 BVH	80,600	8.5	-21.0	7.5	56,491	701	31.2	24.3	138,706	44.4	3.7	8.5	1.3
18 MBB	23,300	12.0	-10.6	-12.0	50,339	2,160	61.2	0.0	5,583,255	11.0	1.7	16.3	1.5
19 MVG	116,000	10.5	8.6	-3.3	37,452	323	85.7	0.0	553,093	13.7	5.0	43.9	13.7
20 HDB	36,500	9.1	-10.8	-21.7	35,806	981	100.0	2.8	1,558,735	18.6	2.5	14.9	1.0
21 FPT	43,800	7.9	-18.0	-14.6	26,874	614	81.7	0.0	977,963	8.6	2.3	28.6	11.4
22 ROS	42,900	-2.8	-47.9	-65.5	24,350	568	27.0	46.7	649,936	29.4	4.2	14.7	8.4
23 STB	11,400	9.1	-13.0	-28.3	20,562	1,804	94.0	13.5	4,846,291	13.8	0.9	6.4	0.4
24 BHN	83,000	-1.2	-25.2	-44.5	19,239	232	0.9	31.4	2,836	29.9	5.1	17.3	6.7
25 EIB	13,950	-0.4	-7.3	-12.8	17,151	1,229	83.8	0.0	188,162	13.9	1.1	8.6	0.9
26 TPB	25,750	-5.0	-13.6	N/A	17,145	666	95.3	0.0	216,635	15.0	2.2	15.9	0.8
27 PNJ	99,000	16.5	-19.7	-6.9	16,052	162	64.1	0.0	455,217	19.4	3.3	34.4	20.0
28 SSI	30,000	9.3	-15.5	-12.2	14,995	500	76.7	44.4	3,896,814	11.6	1.7	14.4	6.9
29 DHG	103,500	3.8	-3.9	0.5	13,532	131	31.9	53.6	229,129	25.6	4.6	18.4	14.1
30 HNG	15,000	28.2	74.8	135.1	13,303	887	44.7	56.2	3,979,270	N/A	1.2	-3.9	-1.3
31 CTD	153,000	7.7	2.1	-19.2	11,978	78	87.0	7.0	178,548	7.5	1.6	22.5	11.8
32 GEX	34,200	9.3	-5.5	10.3	11,587	339	73.6	38.0	1,600,435	11.3	2.1	22.3	6.9
33 KDH	29,400	-0.2	-16.8	-6.4	11,402	388	76.5	4.6	149,979	19.1	1.8	10.0	6.0
34 REE	34,450	14.1	-6.4	-13.2	10,681	310	84.4	0.0	500,146	6.5	1.3	20.9	12.5
35 TCH	28,200	37.6	-5.2	30.0	9,962	353	50.0	45.2	1,128,717	26.2	2.2	8.5	7.8
36 VCI	59,000	12.2	-21.9	0.1	9,558	162	70.0	7.7	99,524	13.8	3.2	30.5	13.9
37 DXG	27,100	21.3	-14.8	0.1	9,277	342	70.0	3.7	3,528,731	9.4	2.2	26.2	9.5
38 SCS	170,000	N/A	N/A	N/A	8,498	50	99.1	36.4	N/A	26.1	10.1	40.8	35.2
39 SBT	17,000	12.2	-3.4	-4.8	8,422	495	47.4	92.8	1,973,340	16.1	1.4	11.1	4.2
40 NT2	26,600	0.9	-16.1	-16.9	7,658	288	32.1	27.4	280,989	9.1	2.1	19.5	8.5
41 HCM	56,900	16.6	-20.4	-28.7	7,372	130	66.5	39.0	325,174	9.3	2.5	29.3	16.8
42 GMD	25,100	4.8	-8.7	-27.7	7,236	288	59.6	0.0	468,917	4.0	1.2	30.1	18.3
43 DPM	17,850	4.7	-10.3	-17.7	6,985	391	40.2	28.9	662,096	12.4	0.9	8.0	5.9
44 PAN	57,700	5.1	-8.1	13.1	6,934	120	60.0	59.4	42,472	15.3	2.5	16.0	6.8
45 KDC	33,500	1.5	-6.8	-20.2	6,890	206	41.7	28.9	86,611	N/A	1.2	-1.0	-0.5
46 PDR	25,800	1.6	-17.6	-16.3	6,873	266	37.8	42.0	868,150	12.8	2.3	19.4	5.4
47 VHC	72,000	21.4	34.6	38.2	6,646	92	38.5	60.3	150,619	7.4	2.3	22.7	12.3
48 VPI	41,300	0.0	N/A	N/A	6,608	160	100.0	38.8	198,218	9.6	3.6	38.8	13.1
49 HAG	7,000	30.8	35.7	7.7	6,492	927	63.8	39.9	12,456,550	N/A	0.5	-4.4	-1.2
50 CII	26,300	-5.1	-14.3	-24.1	6,436	245	88.1	14.0	734,600	N/A	1.3	-0.3	-0.1
51 NLG	29,200	0.0	-4.5	5.9	6,129	210	63.3	0.0	356,378	10.5	2.1	19.1	7.9
52 DCM	11,100	8.8	-4.3	-11.9	5,876	529	24.4	45.0	449,907	14.0	0.9	6.6	3.8
53 PPC	18,200	7.1	-2.2	-7.4	5,835	321	24.7	33.7	192,077	6.0	1.0	17.3	11.5
54 PVD	15,100	22.8	-4.1	-29.8	5,781	383	49.4	28.8	2,231,491	N/A	0.4	-0.1	0.0
55 KBC	12,200	7.0	-9.3	-4.3	5,731	470	75.4	31.6	1,959,062	13.0	0.7	5.3	2.9
56 YEG	197,100	-19.7	N/A	N/A	5,395	27	100.0	0.0	12,041	79.7	15.4	29.0	11.6
57 PME	70,000	-3.2	-2.4	-1.8	5,251	75	99.0	0.0	10,431	16.2	3.3	19.3	16.0
58 LGC	27,000	3.8	3.8	30.4	5,207	193	N/A	4.0	23	31.4	2.0	6.7	1.8
59 FRT	74,000	-5.1	-19.9	N/A	5,032	68	92.4	1.8	14,207	17.9	6.3	42.9	6.8
60 PVT	17,650	15.4	-1.9	-3.3	4,967	281	42.8	15.1	158,131	8.1	1.3	12.6	5.0

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. Sales&Trading VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi bộ phận Sales&Trading – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

VNDIRECT SALES & TRADING

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : phong.sale.trading@vndirect.com.vn

Website: <http://vndirect.com.vn>